

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 16/2021/KDTM - ST

Ngày: 23/4/2021

V/v: “T/c Hợp đồng tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* ông **Lê Anh Quốc**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà **Phạm Thị Thiện**

2/ Ông **Lê Anh Khoa**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* bà **Trần Thái Minh Ngọc**

– Cán bộ Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên tòa:* bà **Lê Hoàng**

Dung – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 20/2019/TLST-KDTM ngày 05 tháng 4 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 258/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng N.**

Địa chỉ: 02 L, phường T, quận B, Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Đức A** – Chủ tịch Hội đồng thành viên

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Châu Bé T** – Phó giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

*** Bị đơn: Công ty TNHH MTV B**

Địa chỉ: 127/8S/12 đường M, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* ông **Nguyễn Trung K**, bà **Trần Thị Thanh Th**,

Cùng ĐKTT tại: 197 khu vực Y, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: 225 khu vực Y, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.

Ông Trần Thanh T

Chỗ ở hiện nay: 225 khu vực Y, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt

NỘI DUNG

** Theo nội dung đơn khởi kiện nguyên đơn trình bày:* Vào ngày 26/6/2014, Ngân hàng N có cho Công ty TNHH MTV B vay số tiền 2.500.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số CY0198.3/HĐTD. Đến ngày 20/5/2015, cho vay tiếp 200.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số CY198.7/HĐTD. Do chưa trả xong số tiền vay theo

cam kết trong hợp đồng nên Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV B trả số tiền vay còn nợ.

Tài sản thế chấp để đảm bảo số tiền vay là phần đất tại thửa số 487 tờ bản đồ số 34, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 839811, số vào sổ cấp giấy CNQSDĐ: CH02166 do ủy ban nhân dân quận Cái Răng cấp ngày 20/5/2013, đất tọa lạc khu vực Yên Trung, phường Lê Bình, quận Cái Răng.

Trong quá trình vay phía bị đơn có trả được 200.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng CY0198.3/HĐTD ngày 26/6/2014. Hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn còn nợ là 2.500.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tạm tính đến ngày 23/4/2021 là 1.378.077.083 đồng.

** Phần trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Thanh T:*

Vào tháng 6/2016, ông T có xây dựng một căn nhà trên đất của ông K và bà Th tại khu vực Yên Trung, phường Lê Bình, quận Cái Răng. Tổng chi phí xây dựng khoảng 380.000.000 đồng, khi xây dựng không xin phép cơ quan chức năng, mục đích xây dựng để kinh doanh ăn uống.

Tại phiên tòa phía nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn và lãi chưa trả xong. Nếu bị đơn chậm trả thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân quận N:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Đối với người tham gia tố tụng: nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định của BLTTDS. Tuy nhiên bị đơn người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông K bà Th mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không tham gia phiên tòa lần 2 không lý do nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ mình và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định Điều 227, 228 BLTTDS.

- Về nội dung giải quyết vụ án: do các bên thực hiện giao dịch vay tài sản theo đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bộc bộ đơn Công ty TNHH MTV B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền tạm tính đến ngày 23/4/2021 là 3.878.077.083 đồng (trong đó vốn là 2.500.000 đồng, lãi là 1.378.077.083 đồng) và tiếp tục trả lãi theo lãi suất quá hạn của hai hợp đồng tín dụng CY0198.3/HĐTD và CY198.7/HĐTD. Nếu bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Vào ngày 26/6/2014, Ngân hàng N có cho Công ty TNHH MTV B vay số tiền 2.500.000.000đ, đến ngày 20/5/2015 cho vay tiếp 200.000.000 đồng. Do chưa trả xong số tiền vay theo cam kết trong hợp đồng nên Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV B trả số tiền vay còn nợ. Tranh chấp này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân quận N tiến hành tổng đạt, niêm yết các thủ tục tố tụng như thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có mặt tại Tòa án theo thời gian được thông báo nên Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người liên quan theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về thời hiệu khởi kiện*: vào ngày 26/6/2014, Ngân hàng N có cho Công ty TNHH MTV B vay số tiền 2.500.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số CY0198.3/HĐTD. Đến ngày 20/5/2015, cho vay tiếp 200.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số CY198.7/HĐTD. Thời hạn vay của 02 hợp đồng là đến năm 2016 và 2017. Tuy nhiên, trong quá trình vay do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận nên nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn và lãi suất phát sinh nên thời hiệu khởi kiện vẫn đảm bảo đúng quy định tại Điều 319 Luật thương mại 2005.

[4] *Xét về nội dung vụ án*:

Vào ngày 26/6/2014, Ngân hàng N có cho Công ty TNHH MTV B vay số tiền 2.500.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số CY0198.3/HĐTD. Đến ngày 20/5/2015, cho vay tiếp 200.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số CY198.7/HĐTD. Do chưa trả xong số tiền vay theo cam kết trong hợp đồng nên Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV B trả số tiền vay còn nợ. Trong quá trình vay phía bị đơn có trả được 200.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng CY0198.3/HĐTD ngày 26/6/2014. Do chưa trả xong số tiền vay nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn còn nợ là 2.500.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tạm tính đến ngày 23/4/2021 là 1.378.077.083 đồng.

Tài sản thế chấp để đảm bảo số tiền vay là phần đất tại thửa số 487 tờ bản đồ số 34, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 839811, sổ vào sổ cấp giấy CNQSDĐ: CH02166 do ủy ban nhân dân quận Cái Răng cấp ngày 20/5/2013, đất tọa lạc khu vực Yên Trung, phường Lê Bình, quận Cái Răng.

Trong quá trình vay tiền, phía bị đơn trả được 200.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số CY0198.3/HĐTD, sau đó vay lại 200.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số CY198.7/HĐTD. Nên số tiền vốn bị đơn còn nợ nguyên đơn là 2.500.000.000 đồng. Để giải quyết vụ án được khách quan, đảm bảo quyền lợi của đương sự, Tòa án nhiều lần triệu tập làm việc nhưng bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt nên không có chứng cứ chứng minh cho việc có trả tiền vay cho nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thủ tục xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp để vay tiền và có căn nhà của ông Trần Thanh T xây dựng trên đó. Hội đồng xét xử xét thấy đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Thanh T có xây dựng nhà trên phần đất là tài sản bảo đảm cho việc vay tiền của nguyên đơn. Khi xây dựng không xin phép xây dựng, không có ý kiến của bên nhận thế chấp tài sản nên ông T tự chịu trách nhiệm đối với việc xây dựng này trong trường hợp phải phát mãi tài sản thế chấp để trả nợ cho nguyên đơn.

Từ nhận định trên, bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền 2.500.000.000 đồng cùng với 1.378.007.083 đồng lãi suất cho nguyên đơn. Nếu bị đơn không trả xong số tiền vốn và lãi thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Về chi phí thẩm định tại chỗ: bị đơn chịu 3.450.000 đồng, nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền này.

Về án phí: bị đơn phải chịu theo quy định, nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 92, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 91, Điều 94 Luật các tổ chức tín dụng;
- Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc bị đơn Công ty TNHH MTV B có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng N số tiền vốn 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng) tiền lãi suất tạm tính đến ngày 23/4/2021 là 1.378.077.083 đồng. Tổng cộng tiền vốn và lãi suất tính đến 23/4/2021 là 3.878.077.083 đồng (ba tỷ tám trăm bảy mươi tám triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm tám mươi ba đồng),.

Nguyên đơn được tiếp tục tính lãi suất theo hợp đồng tín dụng số CY0198.3/HĐTD ngày 26/6/2014 và hợp đồng tín dụng số CY198.7/HĐTD 20/5/2015 kể từ ngày 24/4/2021. Khi bị đơn trả xong số tiền nợ thì nguyên đơn có nghĩa vụ xóa thế chấp, trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Nguyễn Trung K và bà Trần Thị Thanh Th đã thế chấp để đảm bảo nợ vay. Nếu bị đơn không trả xong số tiền nợ trên cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp như sau: Tài sản thế chấp để đảm bảo số tiền vay là phần đất tọa lạc khu vực Yên Trung, phường Lê Bình, quận Cái Răng thuộc thửa số 487 tờ bản đồ số 34, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 839811, sổ vào sổ cấp giấy CNQSDĐ: CH02166 do ủy ban nhân dân quận Cái Răng cấp ngày 20/5/2013 cho ông Nguyễn Trung K.

Về chi phí thẩm định tại chỗ: bị đơn chịu 3.450.000 đồng, nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền này.

Về án phí sơ thẩm: bị đơn phải chịu 109.561.541 đồng (một trăm lẻ chín triệu năm trăm sáu mươi một nghìn năm trăm bốn mươi một đồng). Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000941 ngày 15/3/2019.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ,
- VKSND Q. N,
- THADS Q. N,
- Các đương sự,
- Lưu.

(Đã ký)

Lê Anh Quốc